

BÁO CÁO
thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 10 tháng đầu năm
và ước thực hiện cả năm 2021

Thực hiện Công văn số 468/TCKH-NS, ngày 25/10/2021 của Phòng Tài chính – KH thị xã An Khê về việc báo cáo thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2021;

UBND phường An Bình báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

I. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực:

(số liệu tại Phụ lục 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân phường thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách; Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn. Chương trình mục tiêu đúng mục đích, nội dung của chương trình và các quy định về tiêu chuẩn, định mức của nhà nước. Thực hiện chi trả, thanh quyết toán đảm bảo đúng quy định. Cụ thể:

a) *Lĩnh vực lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN:* Ngay từ đầu năm 2021, thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền 109 triệu đồng.

b) *Lĩnh vực tiết kiệm chi quản lý hành chính:* thực hiện Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã về việc cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 (*cắt giảm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tiếp khách, chế độ công tác phí, sử dụng điện nước, văn phòng phẩm...*) để bảo đảm công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn, số tiền: 38.186.000 đồng.

* Kết quả thực hiện tiết kiệm 10 tháng đầu năm 2021, số tiền 147,186 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 2021, số tiền 147,186 triệu đồng.

c) *Trong đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc và công trình phúc lợi công cộng:* Việc lập kế hoạch vốn đầu tư được thực hiện đúng nguyên tắc quy định, phù hợp với danh mục dự án đầu tư được duyệt, tính chất, quy mô, tiến độ, yêu cầu của dự án đầu tư và khả năng của NSNN. Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng mục đích, định mức và tiêu chuẩn theo Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

d) Trong quản lý, sử dụng tài sản công: Ủy ban nhân dân phường thực hiện đúng các quy định hiện hành về mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập. Đầu năm, Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công phường An Bình năm 2021.

e) Lĩnh vực đầu tư XD/CB: trong 10 tháng đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân phường làm chủ đầu tư thực hiện 09 công trình xây dựng, tiến độ lập hồ sơ công trình, đấu thầu, giám sát, đánh giá chất lượng công trình, nghiệm thu đưa vào sử dụng và giải ngân vốn NSNN thực hiện đúng trình tự về đầu tư XD/CB theo Luật đầu tư công.

g) Lĩnh vực sử dụng lao động, thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước: Ủy ban nhân dân phường thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của cơ quan về kỷ luật, kỷ cương hành chính và thời gian lao động. Cán bộ công chức cơ bản chấp hành giờ giấc làm việc, đảm bảo tác phong, trang phục gọn gàng, lịch sự, thực hiện văn hóa ứng xử trong giao tiếp.

h) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân: Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ về sản xuất, đời sống; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về ý thức THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng; duy trì và đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không.

3. Đánh giá chung:

a) Kết quả đạt được:

- Ủy ban nhân dân phường thực hiện nghiêm túc các giải pháp về THTK, CLP; góp phần cắt giảm chi tiêu công, phục vụ tốt công tác đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện tốt các quy trình về công khai tài chính đối với ngân sách cấp phường, công khai quy trình thu và sử dụng các loại quỹ, xây dựng.

- Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về THTK, CLP được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và toàn xã hội, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Những tồn tại, hạn chế:

- Việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí hiệu quả chưa cao, xây dựng nội dung chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí còn chưa cụ thể.

- Công tác kiểm tra việc THTK, CLP trong ý thức sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm... chưa được thường xuyên.

- Hiệu quả sử dụng thời gian lao động của cán bộ, công chức trong cơ quan chưa cao.

II. Phương hướng, nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới:

Tiếp tục thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến THTK, CLP thông qua các thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân.

Tiếp tục điều hành, quản lý chi trong dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện công khai, minh bạch, triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Triển khai công tác lựa chọn nhà thầu đảm bảo thời gian quy định, đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ, đảm bảo tỉ lệ giải ngân đạt theo kế hoạch; thường xuyên đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, tránh dồn thanh toán vào dịp cuối năm; lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, thẩm tra quyết toán, tắt toán công trình XDCB khi có phát sinh.

Nâng cao hiệu quả của Ban giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi và đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đất đai; kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm về khai thác, sử dụng đất không đúng mục đích.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế một cửa; nâng cao hiệu quả sử dụng giờ làm việc; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; xây dựng quy chế làm việc, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng công tác văn thư lưu trữ; thường xuyên thống kê, rà soát thủ tục hành chính theo quy định.

Trên đây là báo cáo thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 10 tháng đầu năm và ước cả năm 2021 của phường An Bình./.

Nơi nhận:

- P TC-KH thị xã;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Trung Dũng

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 10 tháng năm 2021



STT	Nội dung	ĐVT	Năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh		Ghi chú
						TH/Năm trước	TH/KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản						
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm)	triệu đồng	110	109	109	99	100	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	58,000	38,186	38,186	65,84	100,0	
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	10,0	10,0	10,0	100,0	100,0	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	5,0					
	- Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	3,0					
	- Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	- Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	- Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	10,000	13,186	13,186	131,9	100,0	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	5,0	5,0	5,0	100,0	100,0	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khách tiếp, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	25,0	10,0	10,0	40,0	100,0	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thuong thảo hợp đồng	triệu đồng						
	- Các nội dung khác	triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí/Chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							

STT	Nội dung	ĐVT	Năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh		Ghi chú
						TH/Năm trước	TH/KH	
1			2					
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhân điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trưng bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ	dự án						
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển	m ²						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							

STT	Nội dung	ĐVT	Năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh		Ghi chú
						TH/Năm trước	TH/KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được	dự án						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	triệu đồng						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu							
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Kwh						
	- Tiết kiệm điện							
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (theo Nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ)	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	triệu đồng						
	- <i>Thảm đĩnh, phê duyệt dự án, vòng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thảm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	dự án						
	- <i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- <i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	- <i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	- <i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con	chiếc						
	Số lượng xe đầu kỳ*	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
5	Nợ phải thu khó đòi	triệu đồng						

STT	Nội dung	ĐVT	Năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh		Ghi chú
						TH/Năm trước	TH/KH	
1	Số đầu kỳ	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu	triệu đồng						
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ							
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân	Lượt hộ						
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Vụ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP	Cuộc						
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP	triệu đồng						
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						